

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI

1
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 18/5/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Xuân Toàn;

2. Bà H'Bing Buôn Yă.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: 198 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th-Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Việt H-Giám đốc Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G.

Địa chỉ: 33 Q, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà L-Phó trưởng Phòng giao dịch S thuộc Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G. Có mặt.

Địa chỉ: 804 H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V.

Trú tại: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà V có mặt, ông H vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Trọng H, anh Nguyễn Trọng P, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Thúy D. Đều vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo

pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 1895/16/NHNT.CS ngày 16/12/2016 Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S cho ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả hết nợ tính cho từng lần rút vốn và được ghi trên giấy nhận nợ, ngày giải ngân là ngày 16/12/2016, mục đích sử dụng vốn vay là làm kinh tế gia đình, lãi suất cho vay trong hạn là 9,3%/năm, lãi suất áp dụng đối với dự nợ gốc bị quá hạn là 12,09%/năm.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16/05A/NHNT ngày 16/5/2014 và số 16/12A/NHNT ngày 16/12/2016. Để bảo đảm cho khoản vay trên ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V và các con của ông, bà là anh Nguyễn Trọng H, anh Nguyễn Trọng P, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Thúy D đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S những tài sản cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59;109;108, tờ bản đồ số 68, tại địa chỉ thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342051 và BT 342050 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/4/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342168 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/5/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 95;288, tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ xã L, huyện S (nay là thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T028493 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/3/2001.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho ông H và bà V theo đúng thỏa thuận. Tính đến thời điểm này, ông H và bà V còn nợ ngân hàng 797.666.213 đồng. Từ ngày 16/11/2017 cho đến nay, ông H và bà V không thanh toán lãi và gốc theo như thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tín dụng như đã nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần mời ông, bà đến làm việc, đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư P giải quyết buộc ông H và bà V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP N thông qua Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/5/2021 và chi phí khác cụ thể như sau:

Nợ gốc và lãi phải trả là 797.666.213 đồng; trong đó nợ gốc là 549.899.812 đồng; lãi trong hạn là 11.366.667 đồng, lãi quá hạn là 236.399.734 đồng. Chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000 đồng. (Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ)

Trong trường hợp ông H và bà V không thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi và các chi phí khác như đã nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp như đã nêu trên để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông H và bà V: Ông, bà thừa nhận có vay và còn nợ số tiền như nguyên đơn đã trình bày tại phiên tòa, nhưng hiện nay ông, bà không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ để bị đơn có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trọng H, anh Nguyễn Trọng P, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Thúy D: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các anh, chị đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng các anh, chị tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh xác định như sau:

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59;109;108, tờ bản đồ số 68, tại địa chỉ thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342051 và BT 342050 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/4/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342168 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/5/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 95;288, tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ xã L, huyện S (nay là thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T028493 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/3/2001, chưa có phát sinh việc tranh chấp với bên thứ ba.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Cơ bản là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy có một số vi phạm nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần rút kinh nghiệm.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông H và bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương N-Chỉ nhánh G-Phòng giao dịch S số tiền nợ gốc là 549.899.812 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Trường hợp ông H và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông H và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai giải quyết Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V có địa chỉ tại Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa bị đơn là ông H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 1895/16/NHNT.CS ngày 16/12/2016 Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S cho ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả hết nợ tính cho từng lần rút vốn và được ghi trên giấy nhận nợ, ngày giải ngân là ngày 16/12/2016, mục đích sử dụng vốn vay là làm kinh tế gia đình, lãi suất cho vay trong hạn là 9,3%/năm, lãi suất áp dụng đối với dự nợ gốc bị quá hạn là 12,09%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho ông H và bà V theo đúng thỏa thuận. Tính đến thời điểm này, ông H và bà V còn nợ 797.666.213 đồng. Từ ngày 16/11/2017 cho đến nay, ông H và bà V không thanh toán lãi và gốc theo như thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tín dụng như đã nêu trên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ lãi và nợ gốc nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn từ ngày 16/11/2017. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo chuyển nợ quá hạn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H và bà V không thanh toán nợ. Như vậy, ông H và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Nợ gốc và lãi phải trả tính đến ngày 18/5/2021 là 797.666.213 đồng; trong đó nợ gốc là 549.899.812 đồng; lãi trong hạn là 11.366.667 đồng, lãi quá hạn là 236.399.734 đồng.

Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông H và bà V phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N thông qua Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/5/2021 tổng cộng là 797.666.213 đồng; trong đó nợ gốc là 549.899.812 đồng; lãi trong hạn là 11.366.667 đồng, lãi quá hạn là 236.399.734 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16/05A/NHNT ngày 16/5/2014 và số 16/12A/NHNT ngày 16/12/2016. Để bảo đảm cho khoản vay trên ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V và các con của ông, bà là anh Nguyễn Trọng H, anh Nguyễn Trọng P, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Thúy D đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S những tài sản cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59;109;108, tờ bản đồ số 68, tại địa chỉ thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342051 và BT 342050 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/4/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342168 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/5/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 95;288, tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ xã L, huyện S (nay là thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T028493 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/3/2001.

Qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân huyện P xác định như sau:

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59;109;108, tờ bản đồ số 68, tại địa chỉ thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342051 và BT 342050 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/4/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT342168 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/5/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 95;288, tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ xã L, huyện S (nay là thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai)) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T028493 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/3/2001, chưa có phát sinh việc tranh chấp với bên thứ ba.

Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các hợp đồng tín dụng trên để thu hồi nợ khi ông H và bà V không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, bị đơn là ông H và bà V phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên cần buộc ông H và bà V có nghĩa vụ thanh toán lại 4.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N-Chi nhánh G- Phòng giao dịch S số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 18/5/2021 tổng cộng là **797.666.213 đồng** (Trong đó nợ gốc là 549.899.812 đồng; lãi trong hạn là 11.366.667 đồng, lãi quá hạn là 236.399.734 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Trường hợp ông H, bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản thế chấp mà ông H, bà V và các con của ông, bà là anh Nguyễn Trọng H, anh Nguyễn Trọng P, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Thúy D đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16/05A/NHNT ngày 16/5/2014 và số 16/12A/NHNT ngày 16/12/2016 mà các bên đã ký kết, để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn là ông H và bà V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 35.906.649 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.022.050 đồng theo biên lai thu tiền số 0006146 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bị đơn là ông H và bà V có nghĩa vụ thanh toán lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N-Chi nhánh G-Phòng giao dịch S.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn là bà V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện P;
- Lưu TA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ

8

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA